

Số: /BC-CCBVTV-HCTH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Công tác kiểm soát thủ tục hành chính tháng 8 năm 2026**

Thực hiện Thông tư số 09/2026/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tư pháp về việc quy định chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Công văn số 25324/SNNMT-VP ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện chế độ báo cáo về công tác kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (viết tắt là Chi cục) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tháng 8 năm 2026 như sau:

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TTHC**

**1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

**2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo QPPL:**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

**3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC:**

Từ ngày 15/7/2026 đến ngày 13/8/2026, Chi cục tiếp nhận và giải quyết 42 TTHC trong 05 lĩnh vực (bảo vệ thực vật 12 TTHC; trồng trọt: 12 TTHC; giao thông vận tải: 06 TTHC; quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 03 TTHC; tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 09 TTHC), trong đó:

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: không phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: không phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 42/42 TTHC<sup>1</sup>; trong đó

<sup>1</sup> Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025; Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025; Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025; Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2026; Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2026; Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2026; Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026; Quyết định số 3402/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố

số TTHC được công khai: 42/42 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý tính đến thời điểm báo cáo: 42 TTHC (trong đó: số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục: 01/42 TTHC; số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết Ủy ban nhân dân Thành phố: 06/42 TTHC; số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: 35/42 TTHC)

#### **4. Rà soát, phê duyệt và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

#### **5. Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

#### **6. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC:**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

*Đính kèm biểu số 6a/BTP/KSTT (ban hành theo Thông tư số 09/2026/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tư pháp).*

#### **7. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC:**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo (từ ngày 15/7/2026 đến hết ngày 13/8/2026), trong đó: số mới tiếp nhận trong kỳ: 451 hồ sơ (trực tuyến: 451 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 0 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 0 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 164 hồ sơ, trong đó, giải quyết trước hạn: 140 hồ sơ, đúng hạn: 24 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 287 hồ sơ; trong đó, trong hạn 287 hồ sơ, quá hạn 0 hồ sơ.

*Đính kèm biểu số 7a/BTP/KSTT (ban hành theo Thông tư số 09/2026/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tư pháp).*

#### **8. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

Chi cục đã triển khai thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia trong thủ tục hành chính theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành, Sở Nông nghiệp và Môi trường,

Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính được Ban lãnh đạo Chi cục quan tâm thực hiện thường xuyên; các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, cử công chức phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh trong việc hướng dẫn và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích trong việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

## **9. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:**

42/42 TTHC được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản), hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Xây dựng (lĩnh vực giao thông vận tải), hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Khoa học và Công nghệ (lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng).

## **10. Công bố, công khai và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

## **11. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC:**

Thực hiện Kế hoạch số 7660/KH-SNNMT-VP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026, Chi cục ban hành Kế hoạch số 707/KH-CCBVTV-HCTH ngày 14 tháng 4 năm 2026, với các hình thức tuyên truyền sau:

- Tuyên truyền lồng ghép thông qua các lớp tập huấn, hội thảo của Chi cục để tuyên truyền các TTHC đến với người dân doanh nghiệp.

- Cập nhật tin bài, đăng tải các TTHC, QPPL và quy trình nội bộ giải quyết TTHC của Chi cục trên chuyên mục cải cách hành chính (CCHC) tại trang thông tin điện tử của Chi cục.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật các TTHC đã được sửa đổi, bổ sung và niêm yết, công khai, minh bạch các TTHC bằng văn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu thông tin và thực hiện đúng quy định lên trang thông tin điện tử của Chi cục.

## **12. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

## **13. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC:**

- Chi cục thường xuyên kiểm tra, theo dõi các phòng, trạm trong công tác kiểm soát TTHC, nhìn chung các phòng, trạm đã thực hiện tốt công tác theo sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Chi cục, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố; công tác rà soát QPPL, kiểm soát TTHC, rà soát, đơn giản hóa TTHC được thực hiện nghiêm túc.

- Trong tháng 8 năm 2026 không có công chức, viên chức, người lao động Chi cục vi phạm quy định về thực hiện TTHC trong thực thi nhiệm vụ công vụ.

## **12. Nội dung khác**

Không phát sinh trong kỳ báo cáo

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Chi cục đã triển khai thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và theo quy

định, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về TTHC đáp ứng yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT TTHC THÁNG 9**

1. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo quy định, đảm bảo, minh bạch, khách quan, đúng hạn, tránh gây phiền hà, nhũng nhiễu. Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức nộp TTHC theo dịch vụ công trực tuyến trên môi trường điện tử.

3. Thường xuyên rà soát các QPPL liên quan đến TTHC để kịp thời thực hiện công bố, công khai TTHC trên trang thông tin điện tử của Chi cục. Tiếp tục chuẩn hóa các TTHC; Thực hiện rà soát đơn giản hóa TTHC thuộc chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Chi cục.

4. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về tình hình và kết quả hoạt động kiểm soát TTHC, đánh giá TTHC, cải cách TTHC của Chi cục theo quy định.

### **V. KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT**

Không phát sinh./.

#### ***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban lãnh đạo Chi cục;
- P.TTPC, P.TT. P.BVTV;
- Lưu: VT,P.HCTH.H.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Thị Nghiêm**

Biểu số 06a/BTP/KSTT

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)  
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH  
TẠI CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT  
Kỳ báo cáo: Tháng 8/2026  
(Từ ngày 15/7/2026 đến ngày 13/8/2026)

Đơn vị báo cáo:  
Chi cục Trồng trọt và BVTV  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Đính kèm Báo cáo số: /BC-CCBVTV-HCTH ngày tháng 8 năm 2026 của Chi cục Trồng trọt và BVTV)

| STT | Tên ngành, lĩnh vực có PAKN                 | Số lượng PAKN được tiếp nhận |                    |                     |                          |          | Kết quả xử lý PAKN     |                    |                     |                          |            |                |                    |                     | Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai |
|-----|---------------------------------------------|------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------|----------|------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------|------------|----------------|--------------------|---------------------|------------------------------------------|
|     |                                             | Tổng số                      | Theo nội dung      |                     | Theo thời điểm tiếp nhận |          | Đã xử lý               |                    |                     |                          | Đang xử lý |                |                    |                     |                                          |
|     |                                             |                              | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | Từ kỳ trước              | Trong kỳ | Tổng số                | Theo nội dung      |                     | Theo thời điểm tiếp nhận |            | Tổng số        | Hành vi hành chính | Quy định hành chính |                                          |
|     |                                             |                              |                    |                     |                          |          |                        | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | Từ kỳ trước              | Trong kỳ   |                |                    |                     |                                          |
| (1) | (2)                                         | (3)=(4)+(5)=(6)+(7)          | (4)                | (5)                 | (6)                      | (7)      | (8)=(9)+(10)=(11)+(12) | (9)                | (10)                | (11)                     | (12)       | (13)=(14)+(15) | (14)               | (15)                | (16)                                     |
| 1   | Bảo vệ thực vật                             | Không phát sinh              |                    |                     |                          |          |                        |                    |                     |                          |            |                |                    |                     |                                          |
| 2   | Trồng trọt                                  | Không phát sinh              |                    |                     |                          |          |                        |                    |                     |                          |            |                |                    |                     |                                          |
| 3   | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Không phát sinh              |                    |                     |                          |          |                        |                    |                     |                          |            |                |                    |                     |                                          |
| 4   | Giao thông vận tải                          | Không phát sinh              |                    |                     |                          |          |                        |                    |                     |                          |            |                |                    |                     |                                          |
| 5   | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng              | Không phát sinh              |                    |                     |                          |          |                        |                    |                     |                          |            |                |                    |                     |                                          |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

**Biểu số 07a/BTP/KSTT**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC  
TẠI CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kỳ báo cáo: Tháng 8/2026**  
(Từ ngày 15/7/2026 đến ngày 13/8/2026)

**Đơn vị báo cáo:**

Chi cục Trồng trọt và BVTV

**Đơn vị nhận báo cáo:**

Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Đính kèm Báo cáo số:           /BC-CCBVTV-HCTH ngày           tháng 8 năm 2026 của Chi cục Trồng trọt và BVTV)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

| STT      | Lĩnh vực giải quyết                                                        | Số lượng hồ sơ tiếp nhận          |                       |                     |                       |           |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |            |           |          | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |            |          |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-----------|-------------|------------------------------|------------|-----------|----------|--------------------------------|------------|----------|
|          |                                                                            | Tổng số                           | Trong kỳ              |                     |                       |           | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn  | Đúng hạn  | Quá hạn  | Tổng số                        | Trong hạn  | Quá hạn  |
|          |                                                                            |                                   | Thực tuyến toàn trình | Thực tuyến một phần | Qua dịch vụ bưu chính | Thực tiếp |             |                              |            |           |          |                                |            |          |
| (1)      | (2)                                                                        | (3)=(4)+(5)+<br>(6)+ (7) +<br>(8) | (4)                   | (5)                 | (6)                   | (7)       | (8)         | (9)=(10)+<br>(11)+(12)       | (10)       | (11)      | (12)     | (13)=(14)+<br>(15)             | (14)       | (15)     |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>                                            | <b>408</b>                        | <b>408</b>            | <b>0</b>            | <b>0</b>              | <b>0</b>  | <b>0</b>    | <b>129</b>                   | <b>107</b> | <b>22</b> | <b>0</b> | <b>279</b>                     | <b>279</b> | <b>0</b> |
| 1        | Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói                        | 4                                 | 4                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 4                            | 4          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 2        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật            | 0                                 | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 3        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật        | 0                                 | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 4        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật            | 31                                | 31                    | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 12                           | 12         | 0         | 0        | 19                             | 19         | 0        |
| 5        | Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật | 1                                 | 1                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 1                            | 1          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |

[illegible]

[illegible]

| STT | Lĩnh vực giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng hồ sơ tiếp nhận          |                                |                              |                                   |              |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |           |          |         | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |           |         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------|-------------|------------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------------|-----------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tổng số                           | Trong kỳ                       |                              |                                   |              | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số                        | Trong hạn | Quá hạn |
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                   | Thực<br>tuyên<br>toàn<br>trình | Thực<br>tuyên<br>một<br>phần | Qua<br>dịch<br>vụ<br>bưu<br>chính | Thực<br>tiếp |             |                              |           |          |         |                                |           |         |
| (1) | (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | (3)=(4)+(5)<br>+(6)+ (7) +<br>(8) | (4)                            | (5)                          | (6)                               | (7)          | (8)         | (9)=(10)+<br>(11)+(12)       | (10)      | (11)     | (12)    | (13)=(14)<br>+(15)             | (14)      | (15)    |
| 21  | Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) | 4                                 | 4                              | 0                            | 0                                 | 0            | 0           | 3                            | 3         | 0        | 0       | 1                              | 1         | 0       |
| 22  | Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại                    | 0                                 | 0                              | 0                            | 0                                 | 0            | 0           | 0                            | 0         | 0        | 0       | 0                              | 0         | 0       |
| 23  | Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch                                                                                                                                                                                                                                         | 23                                | 23                             | 0                            | 0                                 | 0            | 0           | 23                           | 23        | 0        | 0       | 0                              | 0         | 0       |
| 24  | Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch                                                                                                                                                                                                                                     | 0                                 | 0                              | 0                            | 0                                 | 0            | 0           | 0                            | 0         | 0        | 0       | 0                              | 0         | 0       |
| III | Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2                                 | 2                              | 0                            | 0                                 | 0            | 0           | 1                            | 1         | 0        | 0       | 1                              | 1         | 0       |

[illegible]

[illegible]

| STT              | Lĩnh vực giải quyết                                                                                                                                           | Số lượng hồ sơ tiếp nhận    |                       |                     |                       |           |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |            |           |          | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |            |          |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-----------|-------------|------------------------------|------------|-----------|----------|--------------------------------|------------|----------|
|                  |                                                                                                                                                               | Tổng số                     | Trong kỳ              |                     |                       |           | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn  | Đúng hạn  | Quá hạn  | Tổng số                        | Trong hạn  | Quá hạn  |
|                  |                                                                                                                                                               |                             | Trực tuyến toàn trình | Trực tuyến một phần | Qua dịch vụ bưu chính | Trực tiếp |             |                              |            |           |          |                                |            |          |
| (1)              | (2)                                                                                                                                                           | (3)=(4)+(5)+<br>(6)+(7)+(8) | (4)                   | (5)                 | (6)                   | (7)       | (8)         | (9)=(10)+<br>(11)+(12)       | (10)       | (11)      | (12)     | (13)=(14)+<br>(15)             | (14)       | (15)     |
| 37               | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật                  | 0                           | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 38               | cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật | 0                           | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 39               | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật              | 0                           | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 40               | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý                                                                                   | 2                           | 2                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 2                            | 0          | 2         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 41               | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý                                                                  | 0                           | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| 42               | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý                                                                               | 0                           | 0                     | 0                   | 0                     | 0         | 0           | 0                            | 0          | 0         | 0        | 0                              | 0          | 0        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                                                                                               | <b>451</b>                  | <b>451</b>            | <b>0</b>            | <b>0</b>              | <b>0</b>  | <b>0</b>    | <b>164</b>                   | <b>140</b> | <b>24</b> | <b>0</b> | <b>287</b>                     | <b>287</b> | <b>0</b> |

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**